

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NĂM CĂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 10-6-2020  
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Diệu Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Như Học;

Ông Nguyễn Đồng Nhân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Bích L, sinh năm 1986 (Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1988), (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Võ Hoàng E, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Kinh M, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 01 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Bích L trình bày yêu cầu:**

- Về hôn nhân: Năm 2007, bà L và ông Hoàng E qua mai mối và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Đến năm 2012, hôn nhân mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau ngày 13 tháng 4 năm 2012.

*Lý do xin ly hôn:* Cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và đánh nhau. Bà L và ông Hoàng E đã sống ly thân từ ngày 15/12/2019 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được hôn nhân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc nên bà L yêu cầu ly hôn với ông Hoàng E.

- Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Võ C (Nữ), sinh ngày 25/6/2006 và Võ N (Nữ), sinh ngày 29/01/2008. Hiện nay, người con lớn C sống với ông Hoàng E còn con út N sống với bà L, bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi N, giao C cho ông Hoàng E tiếp tục nuôi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Đối với bị đơn ông Hoàng E:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông Hoàng E không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà L yêu cầu ly hôn, nuôi con, việc cấp dưỡng, về tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Hoàng E vắng mặt 02 lần không có lý do.

*Tại phiên tòa:*

Bà L vẫn bảo lưu quan điểm khởi kiện yêu cầu cầu ly hôn với ông Hoàng E; yêu cầu được tiếp tục nuôi N, giao C cho ông Hoàng E tiếp tục nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản và công nợ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Võ Hoàng E vắng mặt tại phiên tòa.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1]. Về thủ tục tố tụng**

Bà L yêu cầu ly hôn với ông Hoàng E, yêu cầu nuôi con, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ông Hoàng E đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt (lần 02) không lý do nên xét xử vắng mặt ông Hoàng E theo khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **[2]. Về nội dung vụ án**

- Về hôn nhân: Bà L và ông Hoàng E qua mai mối và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện vào năm 2007, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Đến năm 2012 hôn nhân mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau ngày 13 tháng 4 năm 2012, giấy chứng nhận kết hôn số 26 theo nội dung giấy trích lục kết hôn số 30/TLKH-BS ngày 20/01/2020 của Ủy ban nhân dân xã Hng. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Bích L và ông Võ Hoàng E được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà L cho rằng cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi dẫn đến đánh nhau nên không hạnh phúc. Ông Hoàng E không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của bà L chứng tỏ ông Hoàng E không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa bà L với ông Hoàng E đã

đến mức trầm trọng, từ ngày 15/12/2019 đến nay thì cả hai đương sự vẫn duy trì tình trạng ly thân, không giải quyết được mâu thuẫn. Như vậy, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Bích L (L) đối với ông Võ Hoàng E theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Võ C (Nữ), sinh ngày 25/6/2006 và Võ N (Nữ), sinh ngày 29/01/2008. Hiện nay, C sống với ông Hoàng E còn N sống với bà L. Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi N, giao C cho ông Hoàng E tiếp tục nuôi dưỡng.

Ngày 04/02/2020 Tòa án nhận văn bản thể hiện nguyện vọng của N muốn được sống với bà L; nguyện vọng của C muốn được sống với ông Hoàng E. Thực tế từ ngày 15/2/2019 đến nay, N sống với bà L, C sống với ông Hoàng E vẫn được đảm bảo mọi mặt. Ông Hoàng E không có văn bản phản đối ý kiến của bà L. Yêu cầu của bà L cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 người con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con của bà L, giao bà L tiếp tục nuôi dưỡng N, ông Hoàng E trực tiếp nuôi C theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản và công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà L phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà L được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 147, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Bích L, sinh năm 1986 (tên gọi khác Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1988) ly hôn với ông Võ Hoàng E.

Về nuôi con chung:

Giao Võ C (nữ), sinh ngày 25/6/2006 cho ông Võ Hoàng E trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao Võ N (nữ), sinh ngày 29/01/2008 cho bà Nguyễn Bích L (L) trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xE xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Bích L (L) phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà L được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007025 ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND xã H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phan Diệu Hiền**